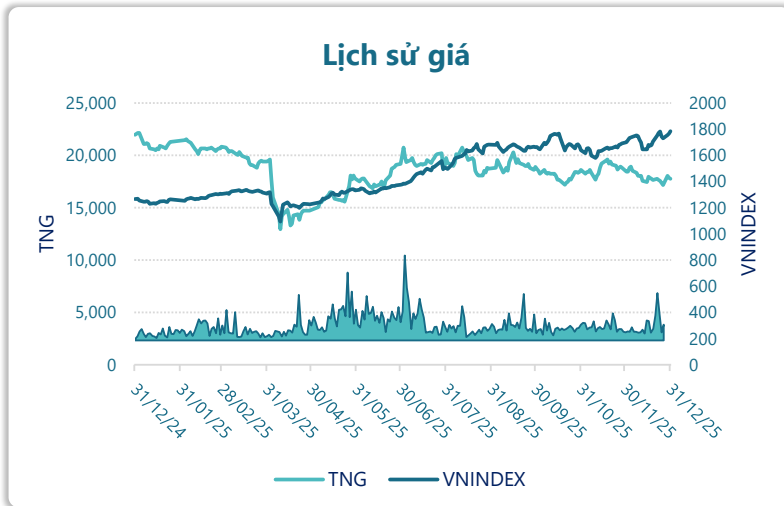




CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	18,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,144
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,947
SL cổ phiếu LH	128,731,266
KLGD BQ 20 phiên (CP)	546,790
% sở hữu nước ngoài	17.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,343
P/E	6.0
EPS	3,045

DT thuần

Q4/25

2,027

tỷ VNĐ

QoQ: ▼606 | -23.0%

YoY: ▲ 175 | 9.5%

LN sau thuế

Q4/25

112

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.00 | -4.6%

YoY: ▲ 37.4 | 49.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

8.3%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

2025

8,699

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,043 | 13.6%

LN sau thuế

2025

392

tỷ VNĐ

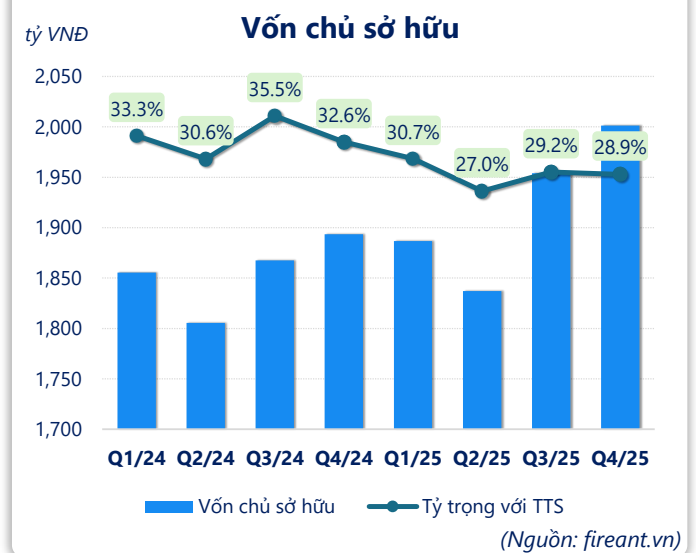
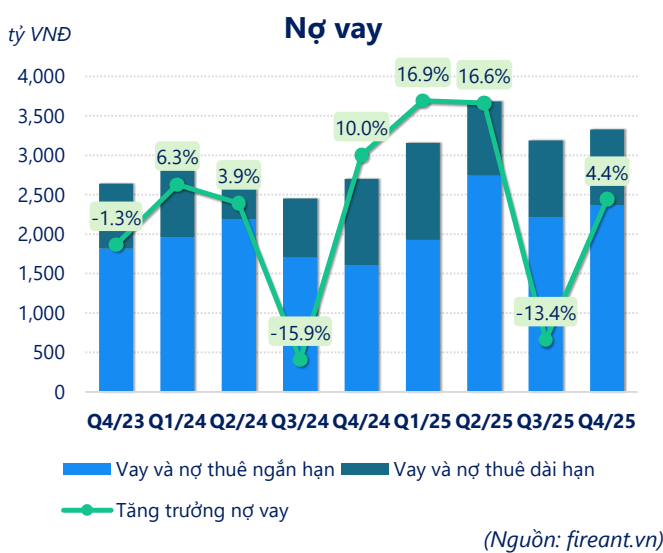
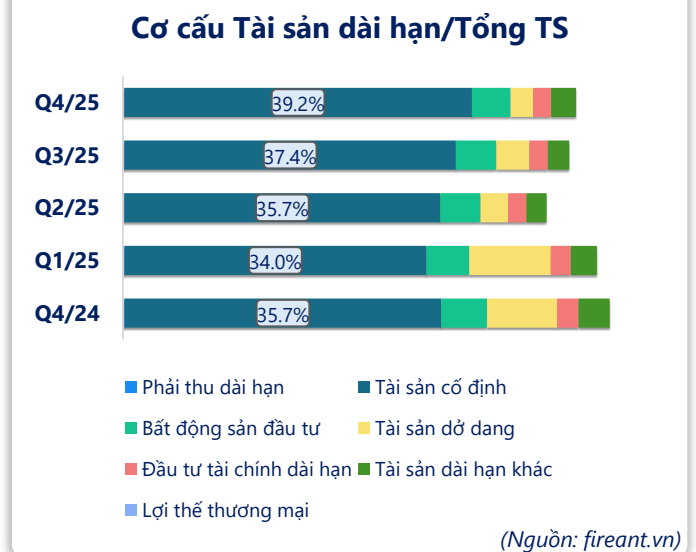
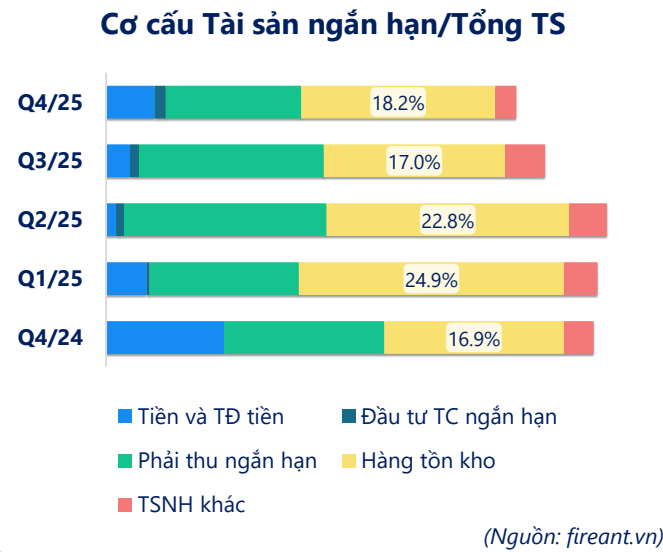
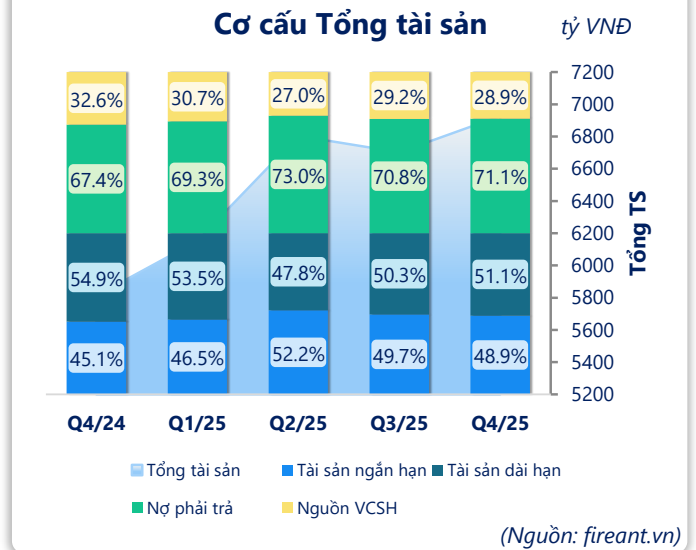
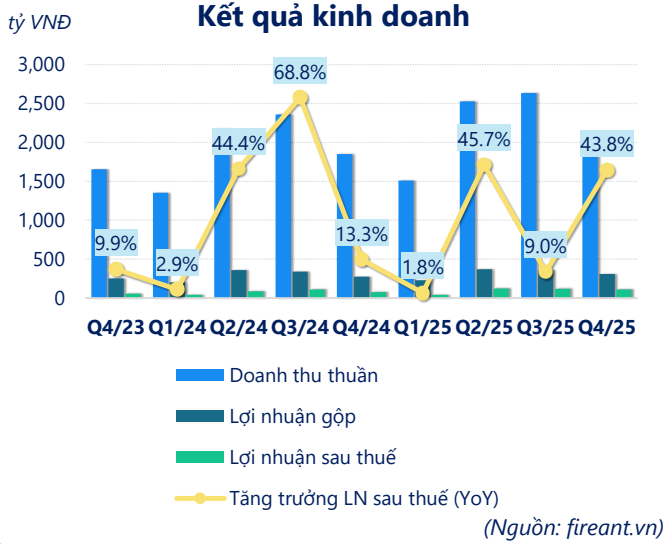
YoY: ▲ 77.0 | 24.5%

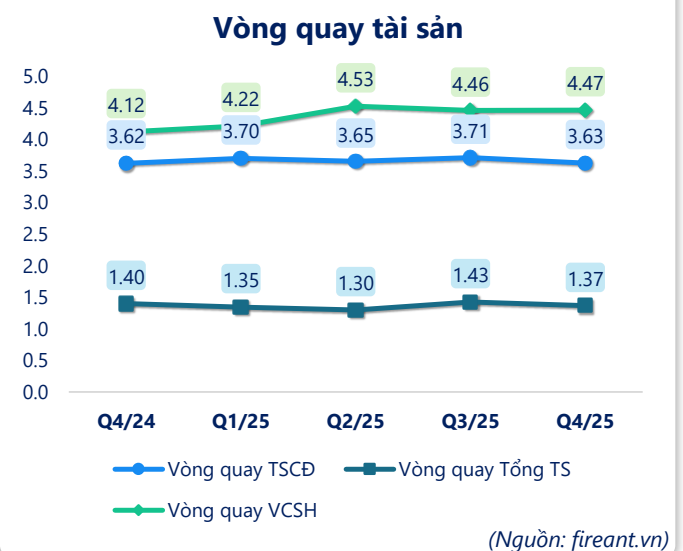
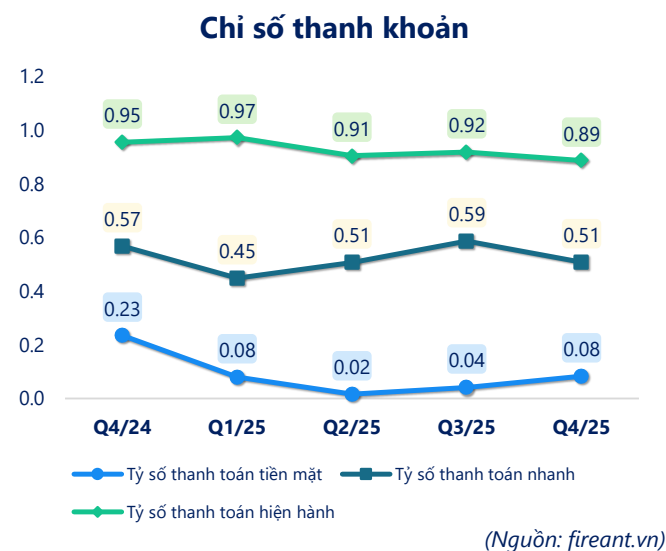
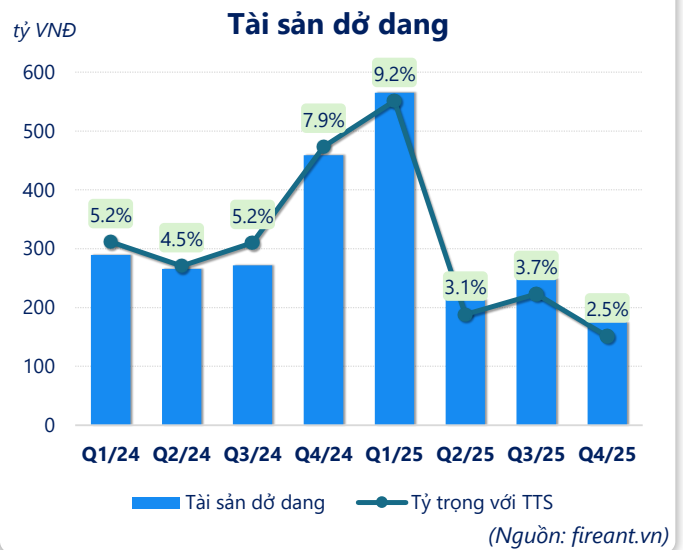
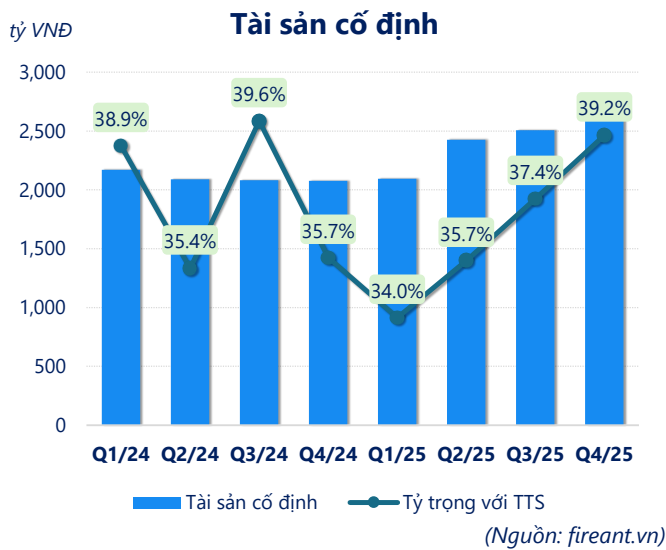
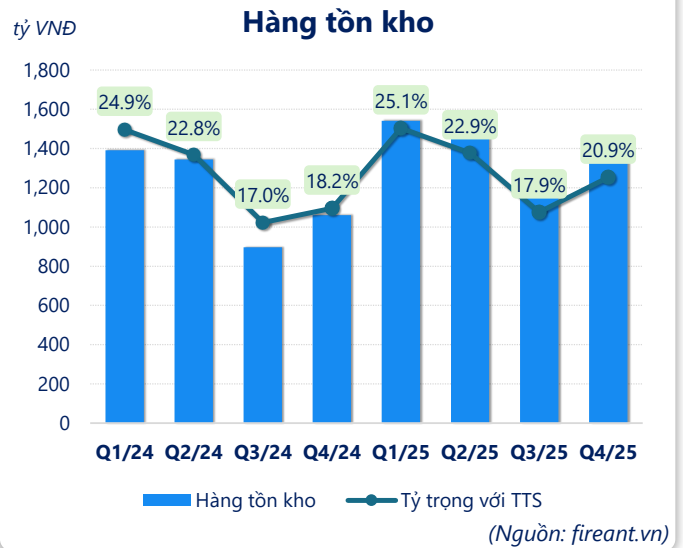
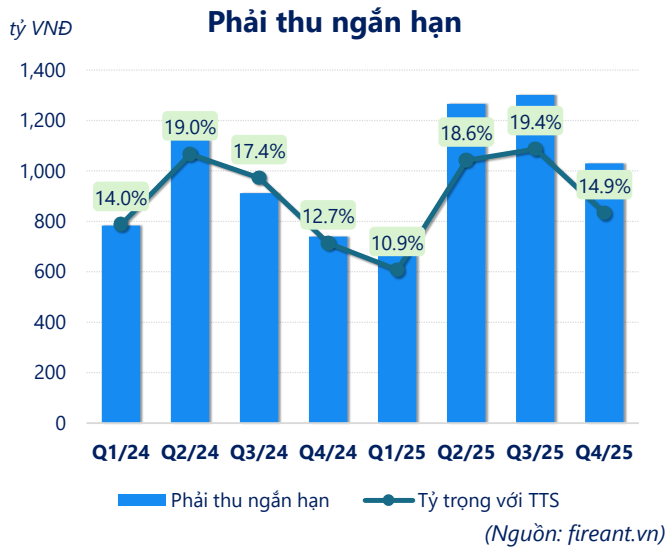
ROE

2025

20.1%

+/- YoY: ▲ 3.3%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	5,812	6,152	6,804	6,702	6,927
Tài sản ngắn hạn	2,620	2,862	3,551	3,328	3,386
Tiền và tương đương tiền	645	234	63.2	151	317
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.0	260	465	467	467
Phải thu ngắn hạn	740	668	1,266	1,301	1,030
Hàng tồn kho	1,060	1,542	1,561	1,201	1,446
Tài sản ngắn hạn khác	115	158	196	209	126
Tài sản dài hạn	3,192	3,290	3,253	3,374	3,541
Phải thu dài hạn	10.7	10.7	10.7	10.7	10.7
Tài sản cố định	2,078	2,095	2,426	2,508	2,716
Bất động sản đầu tư	300	299	308	306	304
Tài sản dở dang	459	565	213	250	174
Đầu tư tài chính dài hạn	140	140	140	140	140
Tài sản dài hạn khác	205	181	155	160	195
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	3,919	4,265	4,967	4,748	4,925
Nợ ngắn hạn	2,746	2,945	3,922	3,627	3,818
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,607	1,927	2,743	2,218	2,371
Phải trả người bán ngắn hạn	777	788	762	804	862
Nợ dài hạn	1,173	1,321	1,044	1,122	1,107
Vay và nợ thuê dài hạn	1,093	1,230	938	969	956
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,893	1,887	1,837	1,954	2,001
Vốn chủ sở hữu	1,893	1,887	1,837	1,954	2,001
Vốn điều lệ	1,226	1,226	1,226	1,226	1,287
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)